

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/DS-ST

Ngày: 24 - 8 - 2022

V/v: “Tr/chấp Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thanh Hải**

2. Ông **Tạ Quang Trung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thanh Thảo**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 93/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị S**, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp Nhơn Khánh, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp Nhơn Khánh A, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Trường G**, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp Nhơn Khánh A, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

2. Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp Nhơn Khánh, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

3. Bà **Lê Thị Lan Ph**, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp Nhơn Khánh, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên nguyên đơn bà Đặng Thị Sáu, trình bày: Vào các năm 2014, 2015 bà Sáu có chơi các phần hội do bà Võ Thị Bạch làm chủ hội. Đến cuối năm 2015, thì bà Bạch bị bể hội, từ đó đến nay bà Sáu đã nhiều lần đòi lại số tiền mà bà Sáu đã đóng hội cho bà Bạch mà bà Bạch cố tình trốn tránh không trả. Cụ thể như sau:

- Năm 2014, bà Sáu chơi 02 phần hội tháng, 1.000.000 đồng/tháng, đây hội này có 19 phần, khai ngày 30/7/2014 âm lịch. Bà Sáu đã đóng được 15 phần. Trong giấy hội ghi tên là “đì Sáu Nhỏ”, số tiền hội kê mỗi tháng có lúc bà Sáu ghi có lúc bà Sáu không ghi. Số tiền kê hội mỗi lần giao động trên dưới 240.000 đồng, nên bà Sáu lấy trung bình là 240.000 đồng. Số tiền hội mà bà Sáu đã đóng là $(760.000 \text{ đồng} \times 15) \times 2 = 22.800.000 \text{ đồng}$.

- Năm 2015, bà Sáu chơi 03 phần hội tháng, 1.000.000 đồng/tháng, đây hội này có 28 phần, khai ngày 10/8/2015 âm lịch. Bà Sáu đã đóng được 02 phần. Số tiền kê hội mỗi lần giao động trên dưới 200.000 đồng, nên bà Sáu lấy trung bình là 200.000 đồng. Số tiền hội mà bà Sáu đã đóng là $(800.000 \text{ đồng} \times 2) \times 3 = 4.800.000 \text{ đồng}$. Trong giấy hội ghi tên là “đì 6 nhỏ”, “đì 6 Diễm”, “đì 6 Phương” là kèm tên con dâu của bà, nhưng tiền đóng hội là tiền của bà bỏ ra.

Các phần hội trên chủ hội là bà Bạch, còn ông Giang là chồng của bà Bạch đi thu hội chung với bà Bạch, chứ không phải là chủ hội. Nay bà Sáu yêu cầu bà Bạch và ông Giang phải trả cho bà số tiền hội là 27.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Vì bà Bạch và ông Giang là vợ chồng.

Bị đơn bà Võ Thị Bạch, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Trường Giang đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng bà Bạch, ông Giang không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Sáu khởi kiện, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Diễm và bà Phương thống nhất trình bày: bà Diễm và bà Phương là con dâu của bà Sáu, có chơi dùm 01 phần hội tháng 1000.000 đồng do bà Bạch làm chủ hội. Nhưng việc đóng tiền là do bà Sáu trực tiếp đóng còn bà Diễm, bà Phương không biết. Trong vụ án này bà Diễm, bà Phương cũng không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp tiền hụi. Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã thụ lý vụ án Tranh chấp hụi; bị đơn có nơi cư trú tại ấp Nhơn Khánh A, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Võ Thị Bạch và ông Trần Trường Giang được triệu tập hợp lệ xét xử lần 2 nhưng ông bà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà Bạch và ông Giang.

[3] Trong danh sách hụi tháng 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/8/2015 âm lịch thể hiện người tham gia vô hụi là “dì 6 Diễm”, “dì 6 Phương”. Bà Diễm và bà Phương thừa nhận các bà chỉ đứng tên dùm cho mẹ chồng là bà Đặng Thị Sáu, còn bà Sáu mới là người trực tiếp chơi và đóng tiền hụi. Nên xác định bà Sáu là người có quyền khởi kiện tranh chấp dây hụi này.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định giữa bà Sáu và bà Bạch có xác lập hợp đồng dân sự góp hụi với nhau. Do bà Bạch làm chủ, bà Sáu là hụi viên tham gia 05 phần hụi tháng [02 phần hụi tháng 1000.000 đồng khai ngày 30/7/2014 và 03 phần hụi 1.000.000 đồng khai ngày 10/8/2015 (AL)] đến khi bà Bạch ngưng hụi thì còn nợ bà Sáu số tiền hụi là 27.600.000 đồng. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các danh sách hụi 1.000.000 đồng khai ngày 30/7/2014 và 1.000.000 đồng khai ngày 10/8/2015 (AL) thể hiện người tham gia vô hụi là “dì Sáu Nhỏ”, “dì 6 nhỏ”, “dì 6 Diễm”, “dì 6 Phương”. Bà Bạch và ông Giang đã nhận trực tiếp thông báo thụ lý vụ án biết rõ yêu cầu khởi kiện của bà Sáu nhưng bà Bạch và ông Giang không có ý kiến phản bác lại đối với yêu cầu của bà Sáu. Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh như sau “...Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó...” bị đơn được triệu tập nhiều lần để thực hiện quyền của mình. Tuy nhiên, bị đơn cố tình vắng mặt và không cung cấp ý kiến phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm trả nợ nguyên đơn yêu cầu bà Bạch và ông Giang liên đới trả số nợ trên. Xét nguyên đơn thừa nhận chủ hui là bà Bạch, ông Giang chỉ chở bà Bạch đi thu tiền hui. Mặt khác, nguyên đơn cũng không nộp được chứng cứ chứng minh bà Bạch và ông Giang có phải vợ chồng hợp pháp hay không nên không thể buộc ông Giang liên đới trả số nợ trên.

[6] Khi khởi kiện, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự khi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về chi phí tố tụng, bị đơn chịu án phí 5% tương ứng nghĩa vụ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Sáu. Buộc bà Võ Thị Bạch có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị Sáu số tiền nợ hui là 27.600.000 đồng (Hai mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị Bạch phải nộp 1.380.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại 800.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007057 ngày 01/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phong Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Phong Điền;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu HS (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Thịnh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hải

Tạ Quang Trung

Nguyễn Tiến Thịnh